

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 349/2020/DS-PT
Ngày 27-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt
Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 10 năm 2020 và ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 376/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Nghĩa D, sinh năm 1956;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Số nhà, đường Hùng V, tổ, khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2020).

Địa chỉ: Tổ, khóm Mỹ H, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

- Ông Cao Minh H, sinh năm 1972;

- Bà Nguyễn Mộng L, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Số nhà, đường Trần Thị N, tổ, khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020.

Địa chỉ: đường Điện Biên P, Phường, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà L: Luật sư Lê Ngọc N và Luật sư Trần Đức H- Văn phòng Luật sư Trần Đức H và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường Điện Biên P, Phường, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L là bị đơn.

Phiên tòa ngày 30/10/2020 bà M, ông H, bà L và Luật sư N có mặt, vắng mặt Luật sư H. Phiên tòa ngày 27/11/2020 có mặt bà M, ông H, bà L, vắng mặt ông H, Luật sư N và Luật sư H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Nghĩa D và bà Nguyễn Thị T có bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông D, bà T và ông H, bà L có mối quan hệ quen biết nhau. Ông H, bà L thiếu vốn kinh doanh nên có vay tiền của ông D, bà T nhiều lần, đã thanh toán xong. Ngày 02/02/2019 ông H, bà L tiếp tục vay vốn của ông D, bà T số tiền 995.822.000 đồng, có làm biên nhận, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, đáo nợ ngân hàng nhưng không ghi vào biên nhận.

Đến hạn trả nợ, ông H, bà L không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Ông D, bà T đã yêu cầu ông H, bà L trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà L không thực hiện. Ông D, bà T yêu cầu ông H, bà L trả số tiền vốn 995.822.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/01/2020 là 10 tháng với số tiền 165.306.452 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả hết tiền vay.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T trình bày: Bà T có cho ông H vay nhiều lần cụ thể: Ngày 04/5/2016 vay 3,6 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 06/5/2016, đến ngày 05/5/2016 vay số tiền 220.000.000 đồng và ngày 13/5/2016 vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay không nhớ, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh công trình xây dựng. Ông H thanh toán nhiều lần còn nợ lại số tiền 812.400.000 đồng như lời trình bày của ông H, sau đó ông H thanh toán xong số tiền 812.000.000 đồng cho bà

T. Vì thời gian thanh toán đã lâu nên không nhớ ngày tháng năm và bà T đã gạch bỏ các biên nhận và giao lại bản chính cho ông H giữ. Đối với biên nhận vay số tiền 939.455.000 ngày 27/01/2019, ông H, bà L có viết biên nhận do bà T giữ bản chính và bà T làm giấy xác nhận nợ theo yêu cầu của ông H, bà L, mục đích để ông H, bà L biết số tiền nợ và xin tiền của gia đình trả nợ cho bà T. Sau đó, ông H đã thanh toán xong số tiền vay, không nhớ ngày tháng và bà T đã xé bỏ biên nhận nợ bản chính, không phải là tiền vốn nhập lãi và cũng không có tính toán nhằm căn trừ số tiền 898.000 đồng. Ngoài ra, ông H, bà L còn vay của bà T nhiều số tiền khác và đã thanh toán xong nhưng không nhớ ngày tháng năm. Các lần vay trước là vay tiền của bà T, còn lần vay ngày 02/02/2019 là vay của ông D, bà T. Bà T không có cho ông H, bà L vay với mức lãi suất 09 đến 10%/ngày, không có tính lãi 57.000.000 đồng và số tiền 995.822.000 đồng không phải là tiền vốn nhập lãi của tất cả các khoản vay như lời trình bày của ông H, bà L. Hai bên không thỏa thuận lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Nay ông D, bà T yêu cầu ông H, bà L trả tiền vốn số tiền 995.822.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 03/5/2019 đến ngày 28/5/2020 (tính tròn) là 12 tháng ($995.822.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$) thành tiền 99.183.871 đồng.

Ông D, bà T không có hứa giảm lãi và không đồng ý nhận số tiền 200.000.000 đồng theo ý kiến của ông H, bà L. Ngoài số tiền vốn 995.822.000 đồng ông H, bà L không còn nợ khoản tiền nào khác của ông D, bà T.

- Bị đơn Cao Minh H trình bày:

Ông H, bà L với ông D bà T có mối quan hệ quen biết nhau. Vì vậy, ông H, bà L có vay tiền của ông D, bà T nhiều lần để bổ sung vốn kinh doanh công trình xây dựng cụ thể:

Ngày 04/5/2016 vay số tiền 3.600.000.000 đồng, thời hạn 03 ngày, lãi suất 3,5%/ngày, có làm biên nhận.

Ngày 05/5/2016 vay số tiền 220.000.000 đồng, lãi suất từ 03%/ngày, có làm biên nhận.

Ngày 13/5/2016 vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 03%/ngày, có làm biên nhận.

Ngày 07/5/2016 ông H trả cho bà T vốn và lãi số tiền 2.480.000.000 đồng của khoản vay vốn 3.600.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 06/5/2016 là 32.400.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn 1.152.400.000 đồng.

Do ông H trả không đúng theo thỏa thuận quá 03 ngày nên bà T tính lãi suất 3,5%/ngày, nếu ông H không đồng ý với mức lãi suất này thì phải trả nợ

gốc ngay. Vì không có tiền nên ông H đồng ý mức lãi suất 3,5%/ngày. Tính đến ngày 27/5/2016 ông H, bà L còn nợ vốn và lãi của bà T các khoản vay như sau:

- + Số tiền vốn 1.152.400.000 đồng, tính từ ngày 07/5/2016 đến ngày 27/5/2016 là 21 ngày x 3,5%/ngày, thành tiền 84.701.400 đồng.

- + Số tiền vốn 220.000.000 đồng, tính từ ngày 05/5/2016 đến ngày 27/5/2016 là 23 ngày x 3,5% ngày, thành tiền 17.710.000 đồng.

- + Số tiền vốn 400.000.000 đồng, tính từ ngày 13/5/2016 đến ngày 27/5/2016 là 15 ngày x 3,5% ngày, thành tiền 21.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn 1.772.400.000 đồng và tiền lãi 123.411.000 đồng. Bà T có giảm cho ông H tiền lãi 3.411.000 đồng và chỉ lấy tròn số tiền 120.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 1.892.400.000 đồng.

Ngày 27/5/2016 ông H trả cho bà T số tiền 1.080.000.000 đồng (1.892.400.000 đồng - 1.080.000.000 đồng), còn nợ lại số tiền 812.400.000 đồng.

Ngày 14/12/2016 ông H thỏa thuận với bà T đề nghị được tạm dừng trả lãi trong thời gian 45 ngày, vì sắp chuyển nhượng đất nhưng bà T không đồng ý. Ông D, bà T đề nghị ông H, bà L viết biên nhận vay số tiền 812.400.000 đồng ngày 28/5/2016, lãi suất là 3,5%/ngày (thành tiền 2.843.400 đồng/ngày). Ông H, bà L trả lãi liên tục nhưng từ ngày 14/12/2016 đến ngày 27/01/2019 là 45 ngày không còn khả năng trả được lãi nên ông D, bà T tính lãi 45 ngày x 2.843.400 đồng/ngày, thành tiền là 127.953.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 940.353.000 đồng. Bà T trừ số tiền tính nhằm của các lần trả lãi trước là 898.000 đồng, còn lại 939.455.000 đồng và yêu cầu ông H viết lại biên nhận vay số tiền 939.455.000 đồng ngày 27/01/2019. Ông H xin lại các biên nhận nợ ngày 28/5/2016 nhưng bà T không đồng ý, nói khi nào trả tiền gốc và lãi xong thì bà T mới giao lại biên nhận. Sau khi trao đổi, bà T viết giấy xác nhận vợ chồng ông H, bà L còn nợ số tiền 939.455.000 đồng, giao cho ông H giữ. Đồng thời yêu cầu vợ chồng ông H phải trả số tiền gốc cộng lãi trong vòng một tuần, nếu không bà T căn cứ trên biên nhận khởi kiện vợ chồng ông H.

Do gần đến tết mà chưa có điều kiện trả nợ, ngày 02/02/2019 ông H, bà L đến gặp ông D, bà T năn nỉ. Bà T bảo cũng cần tiền để trả tiền cho người khác, nếu đồng ý vay với mức lãi suất khoản 09%/ngày đến 10%/ngày, tiền lãi khoản 57.000.000 đồng, không biết tính lãi từ ngày nào đến ngày nào, bà T cộng vốn và lãi số tiền 995.822.000 đồng. Ông H, bà L đồng ý và viết lại biên nhận vay số tiền 995.822.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, ký ghi họ và tên vào biên nhận. Từ thời điểm này, vợ chồng ông H vẫn tiếp tục đóng lãi nhưng không trả được nợ gốc do tài sản của ông H đã bị thi hành án kê biên để thi hành khoản nợ của bà T1, ông B.

Ngày 20/01/2020 ông D có đơn yêu cầu phải trả tiền nợ gốc và lãi do ông

H chưa trả được lãi 01 tuần, vợ chồng ông H hết lòng năn nỉ và nêu ra lý do không bán được tài sản vì đã bị thi hành án kê biên bán đấu giá. Ông D căn cứ biên nhận nợ và kiện ông H ra Tòa án.

Tại phiên tòa ông H thừa nhận có viết biên nhận nợ ông D, bà T số tiền 995.822.000 đồng và chữ ký ghi họ và tên trên biên nhận ngày 02/02/2019 là của ông H, bà L, hai bên không thỏa thuận lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định. Bà T tính tiền lãi của các lần vay từ 03%/ngày đến 3,5%/ngày, bà T tính bao nhiêu ông H, bà L trả bấy nhiêu, không có ý kiến phản đối và từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử ông H, bà L không có thời gian để tính toán lại tiền lãi. Bà T có hứa sẽ giảm tiền lãi cho ông D, bà L và chỉ yêu cầu phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng trong số tiền 995.822.000 đồng, còn giảm lãi bao nhiêu thì không biết. Việc bà T hứa nhận lại 200.000.000 đồng không có làm văn bản, không có người làm chứng và không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Nay ông H, bà L đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng, không trả tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng, không đồng ý trả vốn số tiền 995.822.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của ông D, bà T.

- Bà Nguyễn Mộng L có ông Cao Minh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông H, không bổ sung nội dung nào khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn không còn chứng cứ, người làm chứng nào khác để cung cấp cho Hội đồng xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nghĩa D, bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L có trách nhiệm liên đới trả ông Nguyễn Nghĩa D, bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.095.005.871 đồng, trong đó bao gồm số tiền vốn 995.822.000 đồng và số tiền lãi 99.183.871 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L phải liên đới chịu số tiền 44.850.000 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Nghĩa D, bà Nguyễn Thị T số tiền 23.417.000 đồng nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0008089 ngày 04/02/2020 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 6 năm 2020, ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp: Ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

- Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng xác định số nợ gốc ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho ông D, bà T số tiền là 812.400.000 đồng.

- Yêu cầu Tòa án xác định bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H, bà L số tiền 700.000.000 đồng căn cứ vào biên nhận ngày 01/9/2016 là tình tiết mới phát sinh hoặc cản trừ số tiền này vào tiền nợ gốc mà ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho ông D, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông D, bà T với ông H, bà L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó ông D, bà T yêu cầu ông H và bà L trả số tiền 112.400.000 đồng. Ông H và bà L thống nhất trả cho ông D và bà T số tiền 112.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa ông D, bà T yêu cầu ông H và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/11/2020, ông H xác định ông Nguyễn Văn H không còn (chấm dứt) tham gia vụ án với tư cách là người đại diện hợp pháp của ông H và ông H và bà L cũng xác định luật sư Lê Ngọc N và luật sư Trần Đức H không còn (chấm dứt) tham gia vụ án với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H và bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông D, bà T với ông H, bà L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông D, bà T yêu cầu ông H và bà L trả số tiền vay 112.400.000 đồng. Ông H và bà L thống nhất trả cho ông D và bà T số tiền 112.400.000 đồng. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông D, bà T với ông H, bà L. Ông H và bà

L có trách nhiệm liên đới trả cho ông D và bà T số tiền 112.400.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử, công nhận sự thỏa thuận giữa ông D, bà T với ông H, bà L, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Sửa bản án sơ thẩm, nên ông H, bà L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Nghĩa D, bà Nguyễn Thị T với ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L.

Ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Nghĩa D và bà Nguyễn Thị T số tiền 112.400.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất, thì bên phải thi hành án phải khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí:

Ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L nộp 5.620.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H, bà L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông H và bà L (do Nguyễn Văn H nộp thay) theo biên lai số 0004797, biên lai số 0004798, cùng ngày 11/6/2020, tổng cộng là 600.000 đồng, được trừ vào tiền án phí. Ông H và bà L còn phải nộp 5.020.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Nghĩa D, bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 23.417.000 đồng, theo Biên lai thu số 0008089 ngày 04/02/2020,

tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- CCTHADS thành phố Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng